

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 19/2020/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 19/2020/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa
trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN**

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN ký ngày 26 tháng 02 năm 2009 tại Hội nghị cấp cao lần thứ 14, tại Thái Lan giữa các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á;

Thực hiện Nghị định thứ nhất sửa đổi Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN ký ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại Việt Nam;

Thực hiện báo cáo Phiên họp lần thứ 32 Ủy ban điều phối thực thi Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại In-đô-nê-xi-a; Phiên họp lần thứ 51 Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN và Phiên họp lần thứ 33 Hội nghị Hội đồng khu vực Thương mại tự do ASEAN ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Thái Lan;

Thực hiện Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc phê duyệt Nghị định thứ nhất sửa đổi Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (sau đây gọi là Thông tư số 22/2016/TT-BCT)

1. Thay thế Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Thay thế Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Thay thế Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Thay thế Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BCT bằng Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2016/TT-BCT

Mục 4 (“4. Không xét đến những công đoạn ... hoặc từ một trong những loại sau”) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Không xét đến những công đoạn nêu tại khoản 2, 3, 4, nguyên liệu dệt không có xuất xứ liệt kê trong danh mục dưới đây sẽ được coi là có xuất xứ tại một Nước thành viên nếu đáp ứng các công đoạn gia công, chế biến quy định dưới đây:

a) Xơ và sợi

Những công đoạn sản xuất, gia công dưới đây được thực hiện với nguyên liệu không có xuất xứ để tạo ra sản phẩm có xuất xứ:

Sản xuất thông qua quá trình tạo xơ (pô-li-me hóa, đa trùng ngưng và đùn), kéo sợi, xe sợi, tạo hình hoặc bện từ sợi pha hoặc từ một trong những loại sau:”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (sau đây gọi là Thông tư số 28/2015/TT-BCT)

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc:

1. Thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của Bản ghi nhớ ký ngày 29 tháng 8 năm 2012 giữa các nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa Phi-líp-pin, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a tại Xiêm-Riệp, Vương quốc Cam-pu-chia về thực hiện dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ số 2 (sau đây gọi là cơ chế thí điểm).

2. Thực hiện cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN theo quy định tại Nghị định thư thứ nhất sửa đổi Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) (sau đây gọi là cơ chế AWSC).”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với:

- a) Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN với thương nhân các nước thành viên khác thực hiện cơ chế thí điểm.
- b) Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN với thương nhân các nước thành viên ASEAN thực hiện cơ chế AWSC.
- c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nhà xuất khẩu đủ điều kiện có thể nộp đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D (sau đây gọi là C/O mẫu D) thay cho việc tự chứng nhận xuất xứ

hàng hóa.”

3. Bổ sung khoản 6 Điều 3 như sau:

“6. Các định nghĩa quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này không áp dụng đối với cơ chế AWSC.”

4. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Thương nhân đáp ứng các điều kiện sau đây có thể đề nghị được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

a) Là nhà xuất khẩu đồng thời là nhà sản xuất.

b) Không vi phạm quy định về xuất xứ hàng hóa trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

c) Có cán bộ được đào tạo về xuất xứ hàng hóa do đơn vị đào tạo đã được Bộ Công Thương hoặc được Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) chỉ định.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, thương nhân đề nghị được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo cơ chế AWSC phải đáp ứng quy định sau:

a) Đã được cấp C/O ưu đãi đối với hàng hóa cùng nhóm HS (4 số) trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận.

b) Trong trường hợp nhà xuất khẩu không phải là nhà sản xuất, nhà xuất khẩu phải được nhà sản xuất cam kết bằng văn bản về xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu và sẵn sàng hợp tác trong trường hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất.”

5. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Cấp Văn bản chấp thuận

1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) là cơ quan có thẩm quyền cấp Văn bản chấp thuận để thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

2. Thương nhân đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư này đề nghị cấp Văn bản chấp thuận và đính kèm hồ sơ qua Hệ thống Quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ <http://www.ecosys.gov.vn> (sau đây gọi là Hệ thống eCoSys).

3. Hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Văn bản chấp thuận.

b) Danh sách kèm theo mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký nội dung khai báo xuất xứ hàng hóa: 01 bản sao.

c) Báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 01 bản sao.

4. Thời hạn xử lý:

a) Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan có thẩm quyền thông báo trên Hệ thống eCoSys:

- Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, đề nghị thương nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, đề nghị tổ chức cấp C/O nơi thương nhân đăng ký hồ sơ thương nhân kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

b) Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều này, tổ chức cấp C/O nơi thương nhân đăng ký hồ sơ thương nhân kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân hoặc của nhà sản xuất liên quan.

c) Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân, tổ chức cấp C/O cập nhật kết quả kiểm tra trên Hệ thống eCoSys.

d) Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cấp C/O cập nhật kết quả kiểm tra thực tế năng lực sản xuất của thương nhân phù hợp theo quy định, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Văn bản chấp thuận kèm theo mã số tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho thương nhân. Trường hợp không cấp Văn bản chấp thuận, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.